

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BẮC TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **26/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 17 - 01 - 2024

*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hòa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Tú;

Bà Lê Thị Huệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phong Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 554/2023/TLST - HNGĐ ngày 04/12/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 26/12/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Phương Q, sinh năm 1987;

Nơi ĐKNKTT: Khu phố 1, phường W, thị xã E, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở: Căn hộ XXXX, Tòa R khu T, số 136 Y, phường U, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trương Thế I, sinh năm 1985;

Nơi ĐKNKTT: Khu phố 1, phường W, thị xã E, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở: Căn hộ XXXX, Tòa R khu T, số 136 Y, phường U, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong các lời khai, nguyên đơn là chị Lê Thị Phương Q trình bày*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Phương Q kết hôn với anh Trương Thế I trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký hôn nhân ngày 11/5/2018 tại UBND phường W, thị xã E, tỉnh Thanh Hoá. Sau khi cưới vợ chồng sống ở căn hộ số: 2515, tòa R3 T, 135 Y, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, chị đã nhiều lần chia sẻ, khuyên chồng đi làm nhưng anh I không đi. Mọi chi phí gia đình một mình chị gánh vác. Khi chị sinh con, chị phải về quê nhờ bố mẹ chị chăm sóc, mọi chi tiêu chị phải tự lo. Anh I sống thiếu trách nhiệm với gia đình; suốt 05 năm qua chị luôn cố gắng làm việc, chị dạy học liên tục để đảm bảo tài chính để chi phí cho gia đình và nuôi con. Anh I không phụ giúp chị đồng nào. Chị đã làm đơn gửi Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm xin ly hôn anh I. Tòa án đã hòa giải, chị cũng muốn cho anh I thêm cơ hội, nhưng từ ngày rút đơn, sau 02 tháng qua anh I không thay đổi gì. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh I.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con trai tên là Trương Tuấn O, sinh ngày 29/6/2019, hiện cháu đang ở với chị. Sau ly hôn, chị xin được nuôi con, không yêu cầu anh I cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị là giáo viên, có mở các lớp dạy học tại nhà, thu nhập hằng tháng từ 30.000.000 - 40.000.000 đồng/tháng. Chị đang thuê 01 căn hộ ở toà R, PXXXX, T, diện tích 78 m² để làm việc và sinh sống. Nơi chị ở đầy đủ tiện ích (gần trường con chị học, nơi sinh sống sạch sẽ và hiện đại).

Về tài sản chung nợ, nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai và Biên bản hòa giải, bị đơn là anh Trương Thế I trình bày*

Anh Trương Thế I và chị Lê Thị Phương Q kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại trụ sở UBND phường W, thị xã E, tỉnh Thanh Hoá. Sau khi cưới, vợ chồng ở một phòng tại căn chung cư số XXXX R T, 135 Y, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Tháng 6/2019 chị Q sinh con, rồi dịch Covid-19, kinh tế gia đình khó khăn, chị Q làm đơn ly hôn anh, sau đó vợ chồng về đoàn tụ. Tháng 8 năm 2023, chị Q nộp đơn tại Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm. Đầu tháng 11/2023 vợ chồng sống ly thân đến nay. Chị Q xác định không còn tình cảm, không thể sống chung với anh, chị làm đơn xin ly hôn. Anh đồng ý ly hôn chị Q.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Trương Tuấn O, sinh ngày 29/6/2019 hiện đang ở với chị Q. Ly hôn, anh xin được nuôi con chung, yêu cầu chị Q cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng. Hiện tại anh đang làm tự do, thu nhập 10 triệu đồng/tháng. Nhà ở nuôi để con: anh sẽ thuê nhà 45 m² đến 50m² ở phường P, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* *Tòa án xác minh tại địa phương cung cấp*: Chị Lê Thị Phương Q và anh Trương Thế I sinh sống tại căn hộ số: XXXX Tòa R khu T, số 136 Y, phường U, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội cách đây 01 năm. Quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn, theo chị Q trình bày là do anh I không chịu khó làm ăn, anh I ở với chị Q từ năm 2019 nhưng chỉ đi làm 02 lần, mỗi lần được 02 đến 03 tháng lại nghỉ, không phụ giúp chị Q, mọi chi phí, sinh hoạt trong gia đình do chị Q lo lắng. Chị Q và anh I có 01 con chung là cháu Trương Tuấn O, sinh năm 2019. Chị Q và anh I ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết về con chung, đảm bảo quyền lợi cho trẻ em.

* *Tại phiên tòa*:

- Chị Q có ý kiến:

+ Về tình cảm: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trương Thế I;

+ Về con chung: Ly hôn, chị xin được nuôi con chung là cháu Trương Tuấn O, sinh ngày 29/6/2019, không yêu cầu anh I cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Trương Thế I có ý kiến:

+ Về tình cảm: Chị Lê Thị Phương Q khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh. Anh đồng ý ly hôn chị Q.

+ Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trương Tuấn O, sinh ngày 29/6/2019, ly hôn anh xin được nuôi cháu O;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Yêu cầu chị Lê Thị Phương Q cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, Nguyên đơn, Bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát phân tích, đánh giá về tình cảm, mức độ mâu thuẫn của hai vợ chồng; về thu nhập của hai vợ chồng, về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, đề nghị Hội đồng xét xử

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, xử:

+ Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Phương Q đối với anh Trương Thế I.

+ Về con chung: Giao cháu Trương Tuấn O, sinh ngày 29/6/2019 cho chị Lê Thị Phương Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trương Thế I không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Q không yêu cầu.

Anh Trương Thế I có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét do không có yêu cầu.

+ Về án phí: Chị Lê Thị Phương Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Phương Q và anh Trương Thế I kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại trụ sở UBND phường W, thị xã E, tỉnh Thanh Hoá ngày 11/5/2018. Đây là hôn nhân hợp pháp. Hiện anh I cư trú tại số 136 Y, phường U, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Chị Q đơn phương xin ly hôn anh I, yêu cầu của chị Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, theo quy định tại Điều 28, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị Phương Q xác định tình cảm vợ chồng không còn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Trương Thế I không có trách nhiệm với gia đình, không phụ giúp chị, mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình đều do chị gánh vác. Chị đã nộp đơn đến Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm giải quyết ly hôn nhưng chị rút đơn về để tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn và anh I có cơ hội sửa chữa nhưng anh I không thay đổi. Anh I cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống khác nhau. Chị Q xin ly hôn, anh I nhất trí. Tòa án xác minh tại địa phương thể hiện vợ chồng chị Q và anh I có mâu thuẫn. Tại phiên tòa, chị Q giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh I. Anh I đồng ý. Hội đồng xét xử, xét thấy, vợ chồng chị Q và anh I mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Phương Q và anh Trương Thế I.

- *Về con chung*: Chị Lê Thị Phương Q và anh Trương Thế I có 01 con chung là cháu Trương Tuấn O, sinh ngày 29/6/2019. Ly hôn, chị Q có nguyện vọng được nuôi cháu O, không yêu cầu anh I cấp dưỡng nuôi con chung. Anh I cũng có nguyện vọng nuôi cháu O, yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 triệu đồng/tháng. Hội đồng xét xử, xét thấy: căn cứ vào lời khai của chị Q và anh I, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng cả chị Q và anh I đều có điều kiện để nuôi dưỡng con chung, xong việc giao con cho ai nuôi, xuất phát từ chính

quyền lợi của trẻ em. Xét điều kiện nuôi con của chị Q có thu nhập cao, ổn định và có chỗ ở tốt hơn so với điều kiện của anh I, hơn nữa cháu O đang còn nhỏ (sinh năm 2019), rất cần sự chăm sóc của người mẹ hơn là người bố, vì vậy sẽ giao cháu O cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, sẽ đảm bảo tốt nhất về mọi mặt cho cháu O, cũng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị Phương Q không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Trương Thế I.

- *Về tài sản chung, công sức, nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra Tòa án không giải quyết gì khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Phương Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Phương Q, anh Trương Thế I có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36; Điều 39, các Điều 146, 147, 227, 262, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 26; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Phương Q yêu cầu được ly hôn anh Trương Thế I.

Chị Lê Thị Phương Q được ly hôn anh Trương Thế I.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Phương Q và anh Trương Thế I có 01 con chung là cháu Trương Tuấn O, sinh ngày 29/6/2019. Giao cháu Trương Tuấn O cho chị Lê Thị Phương Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị Phương Q không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trương Thế I cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Trương Thế I được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Phương Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Q

đã nộp theo biên lai số AA/2020/0044346 ngày 04/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Chị Q đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Phương Q và anh Trương Thế I có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Bắc Từ Liêm,
- VKSNDTP Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Bắc Từ Liêm;
- UBND phường W, thị xã E, tỉnh Thanh Hoá;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ; Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Hữu Hòa